

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP TV
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24-3-2023
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TV, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thảo Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Minh Sơn.

Bà Thạch Thị Mỹ Kim.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuyền, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TV, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TV, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Đình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2022/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2022, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Tuyết M**, sinh năm 1976. (có mặt)

Địa chỉ: Số A3/3 Chung cư H, Đường P, Khóm A, Phường E, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Vĩnh T**, sinh năm 1976. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 129, Đường K (nay là Đường N), Khóm C, Phường T, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai của bà Nguyễn Thị Tuyết M là nguyên đơn trình bày:

Năm 2003, bà và ông Nguyễn Vĩnh T tiến đến hôn nhân với nhau. Bà và ông T có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố TV. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, bà và ông T có một người con chung tên Nguyễn Thái B, sinh ngày 15/02/2004. Dần dần, cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cự cãi. Bà và ông T đã nhiều lần ngồi lại để trao đổi, thương lượng tìm phương pháp giải quyết mâu thuẫn để giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng đều không thành. Mâu thuẫn càng ngày trở nên trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc và vợ chồng đã quyết định ly thân từ năm 2019 đến nay. Bà nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông T không thể duy trì được do hai bên không còn tình cảm với nhau. Nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Vĩnh T.

- Về con chung: Bà và ông T có một người con chung tên Nguyễn Thái B, sinh ngày 15/02/2004 đã trưởng thành, tự quyết định cuộc sống của mình, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết M không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết M khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Vĩnh Thái vắng mặt nên không có lời trình bày.

Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

1. Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án trong thời gian chuẩn bị xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Tạm ngừng phiên tòa theo quy định tại Điều 259 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án tiến hành ghi lời khai ông Nguyễn Văn K (cha ruột ông T) để làm rõ ông K đã giao lại các văn bản tố tụng tận tay cho ông Nguyễn Vĩnh T chưa?

2. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Tuyết M yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Vĩnh T. Căn cứ vào

khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn”. Vụ án có bị đơn ông Nguyễn Vĩnh T cư trú tại số 129 Đường N, Khóm C, Phường T, thành phố TV, nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TV theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 07/02/2023, ông Nguyễn Vĩnh T có đăng ký hộ khẩu và hiện đang sinh sống tại số 129 Đường N, Khóm C, Phường T, thành phố TV. Ông Nguyễn Văn K là cha ruột của ông T nhận thay các văn bản tố tụng và cam kết giao lại tận tay cho ông T. Do đó, việc Tòa án cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Vĩnh T là phù hợp với quy định khoản 5 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự (Bút lục 40-42). Ông Nguyễn Vĩnh T, đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố TV đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Nguyễn Vĩnh T là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Xét lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát về việc tạm ngừng phiên tòa theo quy định tại Điều 259 Bộ luật tố tụng dân sự. Như đã phân tích ở phần nhận định trên. Tòa án đã cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Vĩnh T đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Nguyễn Vĩnh T qua quá trình tìm hiểu yêu thương và tiến đến hôn nhân với nhau, bà M và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường T, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh, theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/02/2003, nên quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông T là hôn nhân hợp pháp theo Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình chung sống, bà M và ông T có phát sinh nhiều mâu thuẫn. Mâu thuẫn chủ yếu dẫn đến bà M yêu cầu được ly hôn với ông T là do vợ chồng thường xuyên cự cãi, dần dần tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Mặc dù, bà M và ông T đã nhiều lần hàn gắn để giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng vẫn không đạt được kết quả. Vì thương con nên bà M đã đợi đến khi cháu B trưởng thành, không còn bị ảnh hưởng đến tâm lý thì bà M mới quyết định ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà M khẳng định không còn tình cảm yêu thương với ông T, bà M đã không còn sống chung với ông T từ năm 2019 cho đến nay. Ông T biết

được việc bà M yêu cầu ly hôn với ông T thông qua việc Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông T vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Từ đó cho thấy, ông T không có ý chí muốn đoàn tụ cùng với bà M. Điều này minh chứng cho tình trạng hôn nhân giữa bà M và ông T không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu kéo dài cuộc sống hôn nhân chỉ gây đau khổ cho cả hai bên. Do đó, việc bà M yêu cầu ly hôn với ông T là có cơ sở để chấp nhận.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Nguyễn Vĩnh T có một người con chung tên Nguyễn Thái B, sinh ngày 15/02/2004. Hiện tại, cháu B đã trưởng thành, cháu có thể tự quyết định cuộc sống của cháu. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết M không có tranh chấp, nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết M khai không có, nên không xem xét giải quyết.

[3] Xét lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu toàn bộ án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết M được ly hôn với ông Nguyễn Vĩnh T.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Nguyễn Vĩnh T có một người con chung tên Nguyễn Thái B, sinh ngày 15/02/2004. Cháu B đã trưởng thành, cháu có thể tự quyết định cuộc sống của cháu. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết M không có tranh chấp, nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết M khai không có, nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu toàn bộ án phí là 300.000 đồng. Nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà M đã đóng theo biên lai thu tiền số 0011866 ngày 05/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TV. Bà M đã nộp đủ tiền án phí, nên bà M không phải nộp tiếp.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.TV;
- Chi cục THADS TP. TV;
- Ủy ban nhân dân Phường T, TP. TV;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thảo Nguyên

